

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HSPT

Ngày 12-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Thanh Huyền và bà Trần Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Đinh Lê L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

* Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Lê L (Tên gọi khác: N9), sinh ngày 19 tháng 11 năm 1984 tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú: Tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: F T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Đinh Ngọc H, sinh năm 1957; và bà Lê Thị O, sinh năm 1960; có vợ là Lê Thị Kim P và 02 người con sinh năm 2007 và 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 10/HSST ngày 20/02/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội: “Làm nhục người khác”.

- Bản án số 37/HSST ngày 10/5/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Bản án số 146/2007/HS-ST ngày 19/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội: “Không tổ giác tội phạm”.

- Bản án số 174/2013/HSST ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 99/2021/HS-PT ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội: “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-8-2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P. Có mặt.

2. Phạm Xuân T (Tên gọi khác: không), sinh ngày 18 tháng 6 năm 1990 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: 5 S, tổ A phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; giới tính:

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án 22/2008/HSST ngày 05/12/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án 15/2011/HSST ngày 26/4/2011 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt là 19 tháng tù. Ngày 20/3/2012, chấp hành xong hình phạt tù.

- Bản án 05/2021/HSST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-8-2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P. Có mặt.

3. Nguyễn Thị N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Tổ A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1947 và bà Vũ Thị L1, sinh năm 1947; có chồng là Nguyễn Trọng V, sinh năm 1981 và 03 người con; lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án: Bản án số 104/2022/HSST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Ngày 27/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/01/2014, bị Công an huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi cho người vay tiền tại sòng bạc.

- Bản án số 44/2015/HSST ngày 11/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 02 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”

Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/9/2024 cho đến nay. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. Nguyễn Thị N8 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 10 năm 1976 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Kim L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3 (đã chết); có chồng là Nguyễn Tất M (đã chết) và 03 người con; lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: Bản án số 46/2022/HS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

5. Nguyễn Thị Q (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 21 tháng 01 năm 1991 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Tổ C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1962; có chồng là Hoàng Quốc Đ1, sinh năm 1983 và 02 người con sinh năm 2017 và 2019.

Tiền án: Bản án số 09/2023/HSST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội: “Cố ý gây thương tích”.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 18/02/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

6. Nguyễn Quốc D (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Làng D, xã I, huyện I, Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1974; có vợ là Đào Thị H4, sinh năm 2001 và 02 người con, sinh năm 2018 và 2023.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/11/2023, bị Công an huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong quyết định xử phạt, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Nhân thân: Bản án số 23/2013/HS-ST ngày 14/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

7. Trần Thị Bạch K (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 26 tháng 4 năm 1976 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Đình C, sinh năm 1950 và bà Trần Thị T4, sinh năm 1955, có chồng là Trần Văn N1, sinh năm 1970 và 01 người con sinh năm 2000.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 11/12/2023, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xử phạt hành chính bằng hình thức: Phạt tiền về hành vi làm chủ lô, đề. Ngày 20/12/2023, đã chấp hành Quyết định xử phạt nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

8. Trương Công T5 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 22 tháng 8 năm 1970 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký HKTT: Tổ H, khối G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trương Đăng M1 (đã chết) và bà Phạm Thị N2

(đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Xuân C1, sinh năm 1982 và 04 người con; lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 01/6/2001, bị Công an thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh Kon Tum xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Bản án số 97/2009/HSST ngày 03/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”.

- Bản án số 13/2015/HSPT ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 tháng tù, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội: “Đánh bạc”.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/9/2024 cho đến nay. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

9. Nguyễn Ngọc N3 (Tên gọi khác: Nhựa); sinh ngày 23 tháng 10 năm 1982 tại tỉnh Kon Tum; nơi đăng ký HKTT: A L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: B H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Kim B1, sinh năm 1963; có vợ là Lê Thị H5, sinh năm 1988 và 07 người con; lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 22/2000/HS-PT ngày 26/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Bản án số 34/2009/HS-ST ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

10. Nguyễn Thị H6 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 10 năm 1973 tại tỉnh Kon Tum; nơi đăng ký HKTT: Tổ C, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: 3 H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Đồng V1 (đã chết) và bà Hồ Thị T6 (đã chết); có chồng là Nguyễn Cao C2, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 02 người con, sinh năm 1996 và 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 348/2007/HSPT ngày 13/12/2006 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc”.

- Bản án số 07/2015/HS-ST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân TP . Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

11. Vũ Thị Thùy T7 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 02/5/1984 tại Kiên Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Thôn B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nữ. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Vũ Khắc H7, sinh năm 1962 và bà Trương Thị Thanh P1, sinh năm 1966;

có chồng là Nguyễn Thế B2, sinh năm 1982 và có 04 người con; lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 39/2016/HSPT ngày 20/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

12. Nguyễn Thị T8 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/01/1972 tại Nghệ An; nơi cư trú: Tổ B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và bà Lê Thị C3 (đã chết); bị cáo chưa có chồng con; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 58/2008/HSST ngày 21/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

13. Trần Văn N4 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 07/5/1979 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn N5, sinh năm 1950, và bà Phạm Thị T9 (đã chết); có vợ là Phan Thị L4, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và 03 người con; lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 08/5/2014, bị Công an huyện N, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt hành chính bằng hình thức Phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Ngày 02/7/2018, bị Công an huyện N, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt hành chính bằng hình thức Phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 14/02/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

14. Trần Thị Bích L5 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 15/01/1994 tại Kon Tum; nơi cư trú: D P, Tổ D phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Trần N6, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Kim L6, sinh năm 1971, có chồng là Phạm Quốc T10, sinh năm 1987 và 02 người con, sinh năm 2012 và 2013; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/01/2023, bị Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

15. Nguyễn Đình T11 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 07/02/1989 tại Hải Dương; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Mạnh T12 (đã chết) và bà

Phạm Thị V2, sinh năm 1962, có vợ là Dương Thị T13, sinh năm 1993 và 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/8/2020, bị Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra còn có 23 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nửa cuối tháng 8/2024, do cần tiền để tiêu xài nên Đinh Lê L nảy sinh ý định tổ chức sòng bạc bằng hình thức “xóc đĩa”, để thu tiền xâu từ những người đến đánh bạc với nhau. Ngày 22/8/2024, L hỏi thuê ngôi nhà tại làng B, phường Y, Thành phố P, tỉnh Gia Lai của ông Ngô Đức S (sinh năm 1976; trú tại Tổ G, phường Y, Thành phố P, tỉnh Gia Lai) để mở quán cà phê, nhưng thực chất là dùng làm nơi để tổ chức sòng bạc. Sau đó, L liên lạc, thuê Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Phạm Xuân T, Đoàn Minh L7 đến giúp L tổ chức sòng bạc. Lại phân công H8, Đ3, T làm nhiệm vụ liên lạc, đưa đón những người đến đánh bạc đồng thời canh cửa, cảnh giới tại sòng bạc; khi bắt đầu đánh bạc, thì H8 làm nhiệm vụ xóc đĩa để những người đánh bạc đặt tiền cá cược với nhau; L phân công L7 làm nhiệm vụ cân tiền (nghĩa là lấy tiền của người thua trả cho người thắng) và thu tiền xâu trong quá trình tổ chức đánh bạc. Lại thỏa thuận với H8, Đ3, T, L7 sẽ trả tiền công cho mỗi người 500.000 đồng/ngày. Lại chuẩn bị các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” gồm:

- 01 chiếu nhựa kích thước (1,78x03)m;
- 01 chiếu nhựa kích thước (1,76x02)m;
- 01 chăn lông kích thước (1,8x02)m;
- 01 chăn lông kích thước (1,96x1,57)m;
- 01 đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính 15cm;
- 01 bát bằng sứ màu trắng, đường kính 10cm;
- 30 ghế nhựa, kích thước (20x20x18)cm (để những người đánh bạc ngồi);
- 01 hộp gỗ, kích thước (18x23x17,5)cm (để đựng tiền xâu);
- 04 quân vị được cắt từ lá bài tứ-lơ-khơ, hình tròn, đường kính 02cm (mặt trước có màu trắng hoặc màu đỏ, được gọi chung là màu trắng; mặt sau gọi là màu đen);

- 01 tấm bạt diện (40x40)cm, được chia thành 04 ô vuông; trên ô vuông đầu tiên được in 03 hình tròn đường kính 03cm tô màu đen, ô vuông đối xứng được in hình 03 hình tròn đường kính 03cm tô màu trắng; 02 ô vuông còn lại được in hình 04 hình tròn màu đen và 04 hình tròn màu trắng), gọi là bảng vị;

- 01 tấm vải màu xanh lam rộng 1,1 mét, dài 06 mét; giữa tấm vải có vạch kẻ chia đôi theo chiều dọc để phân chia chắn lẻ (bên phải chắn, bên trái lẻ).

Chuẩn bị địa điểm, công cụ, thuê người giúp tổ chức sòng bạc xong, Đinh Lê L sử dụng điện thoại di động liên lạc với Trương Công T5, Nguyễn Ngọc N3,

Nguyễn Thị Q, Nguyễn Quốc D và một số người khác (là những người có quan hệ quen biết với L và cũng là những người thường tham gia đánh bạc) thông báo việc L tổ chức sòng bạc tại làng B, phường Y, Thành phố P, đồng thời rủ những người này đến đánh bạc. Trong ngày 23 và 24/8/2024, Nguyễn Đình T11 và nhiều người khác (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) đã đến đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau bằng hình thức “xóc đĩa” tại sòng bạc do L tổ chức; T11 được Dương Văn H9 chở đi đánh bạc bằng xe ô tô hiệu Hyundai, loại Accent màu sơn trắng, biển số 82A-058.84.

Sáng ngày 25/8/2024, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị Q, Trương Công T5 điện thoại cho Đinh Lê L hỏi có tổ chức đánh bạc không, thì L nói 13 giờ sẽ tổ chức đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”, nếu có người đến đánh bạc thì chờ ở khu vực gốc cây Gạo ở đường V, phường Y, Thành phố P, sẽ có người đón và chở vào địa điểm đánh bạc. Từ khoảng 12 giờ ngày 25/8/2024, theo sự phân công của L, Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Phạm Xuân T thay nhau sử dụng xe mô tô biển số 81B1-418.34 (hiệu Yamaha, loại Luvias 125 màu đen-vàng) và xe mô tô biển số 81B2-666.59 (hiệu Honda, loại Vision, màu đen-xám) đón, chở T5, Q, Nguyễn Ngọc N3 và nhiều người khác đến địa điểm đánh bạc. Sau đó lần lượt Huỳnh Xuân Nhật B3, Hoàng Ly L8, Dương Văn H9, Nguyễn Đình T11, Trần Văn N4, Đặng Danh B4, Phan Trường G, Trần Văn H10, Đặng Quốc K1, Huỳnh Tấn H11, Tô Văn T14, Nguyễn Thị H12, Đỗ Thị Hải Y, Nguyễn Thị T3, Phạm Thị L9, Hoàng Thị Thanh T15, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị H6, Lê Thị T16, Trần Minh T17, Nguyễn Thị Đ4, Nguyễn Thị T8, Trần Thị Bích L5, Lê Thị H5, Huỳnh Thị Mỹ D1, Nguyễn Thị T18, Nguyễn Thị Bích P2, Nguyễn Thị H13, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị N8, Nguyễn Thị N đến tham gia đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”. Khoảng gần 13 giờ ngày 25/8/2024, L5 bắt đầu tổ chức cho những người trên đánh bạc với nhau bằng hình thức “xóc đĩa”, với cách thức như sau:

- Đối với hình thức chơi quân vị: Người đánh bạc đặt tiền trúng với quân vị sau khi xóc, thì được thắng số tiền tỷ lệ với số tiền đặt cược là 2,5 lần (nếu đặt cược 100.000 đồng, thì thắng số tiền 250.000 đồng). Người đánh bạc đặt tiền trúng với quân vị 03 đen - 01 trắng sau khi xóc, thì được thắng số tiền tỷ lệ với số tiền đặt cược là 10 lần (nếu đặt cược 100.000 đồng, thì thắng số tiền 1.000.000 đồng). Nếu khi xóc mà quân vị 02 trắng - 02 đen, thì người đánh bạc thua số tiền đặt cược.

- Đối với hình thức chắn lẻ: Khi xóc, nếu quân vị ra màu chắn (trắng hoặc đen) trùng bên chắn, thì người đặt cược thắng tỷ lệ là 01 lần (nếu đặt cược 100.000 đồng, thì thắng số tiền 100.000 đồng); nếu thua thì mất số tiền đặt cược.

Đinh Lê L trải 02 chiếu nhựa trên sàn nhà, trải 02 chắn lông trên chiếu nhựa và trải tám vải màu xanh trên cùng. Quá trình đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”, những người đánh bạc ngồi xung quanh tám vải màu xanh theo hình ô-van với vị trí như sau: Hà Công H8 là người “xóc đĩa”, ngồi ở vị trí giữa nhà sát tường bên phải theo hướng từ bên ngoài vào; ngồi sát bên phải H8 là Nguyễn Quốc D, rồi lần lượt đến Trương Công T5, Tô Văn T14, Hoàng Ly L8, Huỳnh Thị Mỹ D1, Hoàng Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Q, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị H13, Vũ Thị Thùy T7, Đặng Danh B5, Trần Văn N4, Đinh Lê L, Trần Văn H10, Phan Thị M2, Nguyễn Thị T8, Lê Thị T16, Nguyễn Ngọc H14 (sinh năm 1995, trú số H đường

N, phường T, TP ., tỉnh Kon Tum - ngồi xem), Nguyễn Thị H12 (sinh năm 1984, trú Tổ H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - ngồi xem), Dương Ngọc H15, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bích P2, Trần Minh T17 (sinh năm 2000, trú số B đường P, phường Q, TP ., tỉnh Kon Tum - ngồi xem), Nguyễn Thị H6, Đỗ Thị Hải Y, Phạm Thị L9, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị Đ4, Nguyễn Thị N8, Đặng Danh B5, Huỳnh Xuân Nhật B3, Nguyễn Ngọc N3, Lê Thị H5, Nguyễn Thị T18, Trần Thị Bích L5, Đặng Phúc K2, Nguyễn Đình T11, Phan Trường G. L5 đưa ra quy định: Mỗi lần “xóc đĩa”, nếu người đánh bạc thắng số tiền trên 1.000.000 đồng thì phải nộp 50.000 đồng (đối với lần thắng lẻ), gọi là tiền xâu. Tiền xâu được L5 trả chi phí cho việc tổ chức đánh bạc, còn lại thì L5 được hưởng.

Đến 15 giờ 30 phút ngày 25/8/2024, khi Đinh Lê L, Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Phạm Xuân T, Đoàn Minh L7 đang tổ chức sòng bạc bằng hình thức “xóc đĩa” cho nhiều người đánh bạc như trên, thì tất cả bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố P phát hiện, bắt quả tang; những người ngồi xem cũng bị bắt, riêng L7 bỏ chạy thoát. Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài sản, công cụ, phương tiện phục vụ tổ chức đánh bạc và đánh bạc.

Đến ngày 27/9/2024, Đoàn Minh L7 ra đầu thú. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố P, Đinh Lê L, Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Phạm Xuân T, Đoàn Minh L7 đã khai nhận về hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”; Nguyễn Quốc D, Trương Công T5, Tô Văn T14, Hoàng Ly L8, Huỳnh Thị Mỹ D1, Hoàng Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Q, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị H13, Vũ Thị Thùy T7, Đặng Danh B5, Trần Văn N4, Đinh Lê L, Trần Văn H10, Phan Thị M2, Nguyễn Thị T8, Lê Thị T16, Nguyễn Ngọc H14, Nguyễn Thị H12, Dương Ngọc H15, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H6, Đỗ Thị Hải Y, Phạm Thị L9, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị Đ4, Nguyễn Thị N8, Đặng Danh B5, Huỳnh Xuân Nhật B3, Nguyễn Ngọc N3, Lê Thị H5, Nguyễn Thị T18, Trần Thị Bích L5, Đặng Phúc K2, Nguyễn Đình T11, Phan Trường G đã khai nhận về hành vi đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” tại ngôi nhà do Đinh Lê L thuê của ông Ngô Đức S tại làng B, phường Y, Thành phố P, tỉnh Gia Lai, như nêu trên

Đối với các tài sản, vật chứng đã thu giữ, qua điều tra xác định:

1. Thu giữ tại chiếu bạc:

- 313.030.000 đồng (ba trăm mười ba triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng N10; trong đó có 26.700.000 đồng là tiền xâu mà Đinh Lê L thu từ những người đánh bạc;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A39 màu hồng, của Nguyễn Thị N8; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 06 màu xám bạc, của Vũ Thị Thùy T7; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, của Nguyễn Quốc D; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng có ốp màu vàng, của Phạm Thị L9; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro màu xanh đen, bị nứt màn hình, của Nguyễn Ngọc N3;

- 01 đĩa bằng sứ hình tròn, đường kính 15cm;

- 01 chén bằng sứ hình tròn, đường kính 11,5cm;

- 04 quân vị tròn, đường kính 02cm;

- 03 bảng vị, kích thước (40x40)cm;

- 218 lá bài tú-lơ-khơ đã qua sử dụng;

- 01 lá bài “03 cơ” khuyết 02 hình tròn đường kính 02cm;
 - 01 tấm vải màu xanh, kích thước (06x1,81)m;
 - 30 ghế nhựa, kích thước (20x20x18)cm;
 - 01 hộp gỗ, kích thước (18x23x17,5)cm;
 - 01 chiếu nhựa kích thước (1,78x03)m;
 - 01 chiếu nhựa kích thước (1,76x02)m.
 - 01 mền lông kích thước (1,8x02)m.
 - 01 mền lông kích thước (1,96x1,57)m.
2. Tài sản do những người tham gia đánh bạc giao nộp:
- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Accent màu trắng, biển số 82A-058.84 (số máy G4LCKF717275; số khung 41 BAKN028872); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014257 mang tên Dương Văn H9; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng, do Dương Văn H9 giao nộp;
 - 01 túi xách da hiệu Daishu màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 07 Plus màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 20 Ultra màu hồng, do Nguyễn Thị T3 giao nộp;
 - 01 túi quai chéo không nhãn hiệu màu đen xám kẻ ca-ro, do Nguyễn Quốc D giao nộp;
 - 01 túi xách bằng da màu đen nhãn hiệu Weixier, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 03 màu đen, 546.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Tô Văn T14 giao nộp;
 - 01 túi xách da màu đen nhãn hiệu “CD”, 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, 6.000.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Phạm Thị L9 giao nộp;
 - 01 túi xách bằng da màu trắng nhãn hiệu “GD”, 01 bao lì-xì bên trong có 1.260.000 đồng tiền Ngân hàng N10, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh, 01 xe mô tô hiệu Honda loại xe Vision màu đỏ nâu, biển số 82E1-166.26, dung tích xi lanh 108cm³, số máy JF66E0406854, số khung 5813GY436155 cùng giấy đăng ký xe, 5.700.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Phan Thị M2 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen, 01 túi xách da màu nâu có nhãn hiệu Dohaco, do Nguyễn Thị Đ4 giao nộp;
 - 01 túi xách bằng da không rõ nhãn hiệu màu đen do Nguyễn Thị H6 nộp;
 - 01 túi xách dạng balo 02 quai màu đen có logo hình đầu hươu, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xám, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12F màu cam, 2.400.000 đồng tiền Ngân hàng N10 (trong túi xách) và 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng N10 (trong túi quần), do Hoàng Thị Thanh T15 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, 2.377.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Huỳnh Thị Mỹ D1 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 07 Plus màu đen, do Nguyễn Thị T8 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 túi xách màu đỏ có logo viền kim loại hình dạng “OO”, 4.200.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Nguyễn Thị T18 giao nộp;

- 01 túi xách màu nâu nhãn hiệu Luodengdai Shu, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, 1.082.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Trần Thị Bích L5 giao nộp;
- 01 túi xách bằng da màu đen không rõ nhãn hiệu, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh và 11.000.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Nguyễn Thị Q giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, 01 túi xách bằng da không rõ nhãn hiệu có họa tiết caro màu nâu sữa trắng, do Nguyễn Thị Bích P2 giao nộp;
- 01 túi xách bằng da màu nâu nhãn hiệu “LV”, 5.194.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Vũ Thị Thùy T7 giao nộp;
- 01 túi xách da hiệu “LX” màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11F màu xanh, do Nguyễn Thị H13 giao nộp;
- 01 túi xách da cá sấu màu đen không có nhãn hiệu, do Nguyễn Thị N8 giao nộp;
- 01 túi xách vải màu đen không rõ nhãn hiệu, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu đen (của Hoàng Ly L8), do Trương Công T5 cầm giúp và giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 Pro màu đen, 58.115.000 đồng tiền Ngân hàng N10 (trong đó có 50.000.000 đồng do T5 thắng bạc mà có; 8.115.000 đồng của Hoàng Ly L8 nhờ Tổng giữ giúp), do Trương Công T5 giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12F màu cam, 4.050.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Trần Văn H10 giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, do Huỳnh Xuân N7 Bảo giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1538 màu xám đen loại bàn phím, do Nguyễn Ngọc H14 giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro màu xanh, do Nguyễn Đình T11 giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng đồng, 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter màu đen-bạc, biển số 38N2-1755, dung tích xi lanh 110cm³, số máy 5B91030728, số khung RLCJ5B9107Y030728 cùng giấy đăng ký xe, do Đặng Danh B5 giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro màu trắng, do Phan Trường G giao nộp;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu xanh, do Nguyễn Ngọc N3 giao nộp;
- 01 điện thoại di động Iphone XS max màu vàng (bị vỡ màn hình), do Đặng Phúc K2 giao nộp;
- 01 túi xách màu xám, 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen, do Đỗ Thị Hải Y giao nộp;
- 01 túi xách da màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno F11 Pro màu đen, 4.920.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Nguyễn Thị N giao nộp;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng bạc, 01 ví da cá sấu màu nâu, do Trần Văn N4 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động Oppo màu đen loại gập, do Trần Thị Bạch Kim giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh đen, 01 túi xách bằng da màu trắng không rõ nhãn hiệu, 760.000 đồng tiền Ngân hàng N10, do Trần Minh T17 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 màu vàng, do Nguyễn Thị H12 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, do Lê Thị T16 giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh, do Đinh Lê L giao nộp;
 - 01 điện thoại di động hiệu Samsung A70 màu trắng, do Hà Công H8 giao nộp;
 - 01 xe mô tô hiệu Yamha, loại xe Luvias màu đen vàng, biển số 81B1-418.34, dung tích xi lanh 124cm³, số máy 44S1064213, số khung RLCL44S10BY064206, do Phạm Xuân T giao nộp;
 - 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đen-xám, biển số 81B2-666.59, dung tích xi lanh 108cm³, số máy JF86E2132510, số khung RLHJF5838KY068078, do Trần Văn Đ3 giao nộp.
- Qua điều tra, những người tham gia đánh bạc khai nhận:
- Trương Công T5 sử dụng số tiền 4.700.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thắng được 50.000.000 đồng và cất vào túi; toàn bộ số tiền trên Thống đã giao nộp;
 - Huỳnh Xuân Nhật B3 sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
 - Trần Văn N4 sử dụng số tiền 5.120.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
 - Nguyễn Đình T11 sử dụng số tiền 20.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
 - Đặng Danh B5 sử dụng số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 3.300.000 đồng, còn lại 700.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
 - Phan Trường G sử dụng số tiền 4.500.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
 - Nguyễn Ngọc N3 sử dụng số tiền 4.500.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 2.000.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
 - Trần Văn H10 sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 5.950.000 đồng, còn lại 4.050.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
 - Nguyễn Quốc D sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thắng được 2.000.000 đồng; toàn bộ số tiền trên D cất trong túi và đã giao nộp;

- Đặng Phúc K2 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Huỳnh Tấn H11 sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Tô Văn T14 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thắng được 7.000.000 đồng; toàn bộ số tiền trên Thọ ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Đỗ Thị Hải Y sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Nguyễn Thị T3 sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 5.700.000 đồng, còn lại 300.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Phạm Thị L9 sử dụng số tiền 9.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 6.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Hoàng Thị Thanh T15 sử dụng số tiền 8.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 5.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Trần Thị Bạch K sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 3.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Phan Thị M2 sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Nguyễn Thị H6 sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Lê Thị T16 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Nguyễn Thị Đ4 sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Nguyễn Thị T8 sử dụng số tiền 320.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Trần Thị Bích L5 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;
- Huỳnh Thị Mỹ D1 sử dụng số tiền 8.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 1.500.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Nguyễn Thị T18 sử dụng số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, thì không thắng, không thua; số tiền trên T18 ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Nguyễn Thị Q sử dụng số tiền 9.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 6.500.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;
- Nguyễn Thị Bích P2 sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;

- Nguyễn Thị H13 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;

- Vũ Thị Thùy T7 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;

- Nguyễn Thị N8 sử dụng số tiền 25.000.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua 2.500.000 đồng, còn lại 22.500.000 đồng ném xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ;

- Nguyễn Thị N sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc; đến thời điểm bị bắt, đã thua hết số tiền trên;

- Dương Văn H9 không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Accent màu trắng, biển số 82A-058.84 để chở Nguyễn Đình T11 đi đánh bạc từ ngày 23 đến 25/8/2024 để được T11 trả tiền công. Ngày 23/8/2024, H9 đã được T11 trả tiền công 1.000.000 đồng; ngày 24/8/2024, H9 đã được T11 trả tiền công 500.000 đồng; ngày 25/8/2024, H9 chưa được T11 trả tiền công, thì cả hai đã bị bắt;

- Hoàng Ly L8 không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng L8 đi cùng Trương Công T5 và giúp Tổng kiểm Đ5, cất giữ tiền Tổng thắng bạc;

- Lê Thị H5 đi cùng Nguyễn Ngọc N3 (là chồng của H5) và ngồi sau lưng N3. Quá trình N3 tham gia đánh bạc, có 01 ván Nam đặt chặn với số tiền 500.000 đồng, thì H5 yêu cầu N3 chuyển sang đặt lẻ và bị thua 500.000 đồng nói trên.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng đánh bạc theo lời khai của những người tham gia đánh bạc là 164.440.000 đồng, ít hơn so với số tiền Cơ quan điều tra thu giữ được trên chiếu bạc (là 313.030.000 đồng). Khi vụ việc bị Cơ quan điều tra phát hiện, bắt giữ, không có người đánh bạc nào chạy thoát, nên lời khai của những người đánh bạc về số tiền bản thân sử dụng đánh bạc, là chưa chính xác. Đây là vụ án có đông người tham gia đánh bạc, hành vi được thực hiện trong thời gian dài, trải qua nhiều lần đặt cược, nhiều lần thắng thua, nên tất cả phải chịu trách nhiệm chung về tổng số tiền đánh bạc mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được. Riêng Lê Thị H5, qua điều tra xác định chỉ giúp sức cho Nguyễn Ngọc N3 đặt cược 01 ván với số tiền 500.000 đồng; tại thời điểm này, hành vi đánh bạc chưa bị phát hiện, nên H5 chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đặt cược như nêu trên.

Đối với Đinh Lê L, Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Phạm Xuân T, Đoàn Minh L7 qua điều tra xác định chỉ thực các hiện hành vi tổ chức đánh bạc (chuẩn bị địa điểm, công cụ đánh bạc; liên hệ giới thiệu người đến đánh bạc; đưa đón người đến đánh bạc; cảnh giới tại địa điểm đánh bạc; xóc đĩa để những người đánh bạc đặt cược; thu tiền xâu...); L, H8, Đ3, T, L7 không tham gia đặt tiền để đánh bạc. Đến thời điểm bị bắt, tổng số tiền xâu L đã thu được là 26.700.000 đồng; số tiền này đã bị Cơ quan điều tra thu giữ. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với L, H8, Đ3, T, L7 về hành vi đánh bạc trong vụ án này.

Đối với Trần Minh T17, Nguyễn Ngọc H14, Nguyễn Thị H12, là những người đến sòng bạc do Đinh Lê L tổ chức để xem đánh bạc và cùng bị bắt quả tang với những người tổ chức đánh bạc, đánh bạc. Qua điều tra, phân loại, làm rõ, Cơ quan điều tra xác định T17, H14, H12 không tham gia đặt cược “xóc đĩa” với

những người khác, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T17, H14, H12 về tội: “Đánh bạc” trong vụ án này.

Đối với các đồ vật, tài sản Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang và các đồ vật tài sản do những người tổ chức đánh bạc, đánh bạc giao nộp, qua điều tra xác định:

- Số tiền 313.030.000 đồng (trong đó có 26.700.000 đồng tiền xu) thu giữ tại chiếu bạc, là tiền đánh bạc của tất cả những người đánh bạc;

- 01 đĩa sứ tròn, 01 chén sứ tròn, 04 quân vị tròn, 03 bảng vị, 218 lá bài tú-lơ-khơ đã qua sử dụng, 01 lá bài “03 cơ” khuyết 02 hình tròn, 01 tấm vải xanh, 30 ghế nhựa, 01 hộp gỗ, 02 chiếu nhựa, 02 mền lông là các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”;

- Số tiền 50.000.000 đồng do Trương Công T5 giao nộp, là tiền do T5 thắng bạc mà có;

- Các điện thoại di động thu giữ của Đinh Lê L, Hà Công H8; xe mô tô thu giữ của Trần Văn Đ3 là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc liên lạc tổ chức sòng bạc, đưa đón những người đánh bạc;

- Xe ô tô, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thu giữ của Dương Văn H9, là phương tiện H9 sử dụng chở Nguyễn Đình T11 đi đánh bạc để hưởng tiền công;

Cơ quan điều tra chuyển các tài sản trên theo vụ án để xử lý:

- Đối với xe mô tô 81B1-418.34 do Phạm Xuân T giao nộp, do chưa điều tra, làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu, nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để làm rõ và xử lý sau. Đối với xe mô tô 81B2-666.59 do Trần Văn Đ3 giao nộp, qua điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị P3 (sinh năm 1991; trú tại thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai); chị P3 cho Đ3 mượn xe để sử dụng và không biết việc Đ3 sử dụng xe vào việc tổ chức đánh bạc; Cơ quan điều tra chuyển xe mô tô trên theo vụ án để xử lý.

- Đối với các tài sản còn lại (điện thoại di động, xe mô tô, tiền Ngân hàng N10, túi xách...) do những người tham gia đánh bạc giao nộp, qua điều tra xác định những người tham gia đánh bạc không sử dụng các tài sản này vào việc đánh bạc. Cơ quan điều tra chuyển tất cả các tài sản trên theo vụ án, để xử lý. Riêng đối với xe mô tô biển số 38N2-1755 do Đặng Danh B5 giao nộp, do chưa điều tra, làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu, nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để làm rõ và xử lý sau.

- Đối với điện thoại di động, tiền Ngân hàng N10, túi xách do Nguyễn Ngọc H14, Nguyễn Thị H12, Trần Minh T17 giao nộp, qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc trong vụ án này, nên Cơ quan điều đã xử lý trả lại cho H14, H12, T17.

Đối với Đoàn Minh L7, quá trình điều tra vụ án đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tách, tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can và truy nã đối với L7 theo quy định.

Quá trình điều tra vụ án, có căn cứ để xác định Đinh Lê L, Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Phạm Xuân T đã cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” vào các ngày 23 và 24/8/2024, tại ngôi nhà do L thuê của ông Ngô Đức S; mỗi ngày đều có nhiều người đến đánh bạc, trong đó Nguyễn Đình T11. Tuy nhiên, do không xác định được những người đánh bạc với T11 cũng như

số tiền đánh bạc trong các ngày 23 và 24/8/2024, nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để kết luận, xử lý.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Lê L, Phạm Xuân T phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N8, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Quốc D, Trần Thị Bạch K, Trương Công T5, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị H6, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị T8, Trần Văn N4, Trần Thị Bích L5, Nguyễn Đình T11 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Lê L 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2024.

2.2. Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2024.

2.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N8 03 năm 07 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 46/2022/HSST ngày 30/12/2022 của TAND huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, và hình phạt 03 năm 07 tháng tù của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024.

2.5 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 03 năm 07 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 09 ngày 17/3/2023 của TAND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 18/02/2025.

2.6 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp

hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

2.7 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Bạch K 02 năm 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024.

2.8 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Công T5 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.9 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N3 03 năm 04 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

2.10 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H6 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

2.11 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thùy T7 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

2.12 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T8 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024

2.13 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn N4 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 14/02/2025.

2.14 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích L5 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

2.15 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T11 02 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Đinh Lê L nộp số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo Phạm Xuân T nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị N8, Nguyễn Quốc D, Trần Thị Bạch K, mỗi bị cáo nộp số tiền 15.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Q, Trương Công T5, Nguyễn Ngọc N3, Vũ Thị Thùy T7, Trần Văn N4, Trần Thị Bích L5, Nguyễn Đình T11, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị T8 mỗi bị cáo nộp số tiền 10.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt, hình phạt bổ sung của 23 bị cáo khác, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của các bị cáo:

- Các bị cáo Nguyễn Thị N8, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đinh Lê L, Phạm Xuân T và Nguyễn Thị H6 kháng cáo để xin giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Trần Thị Bích L5, Trần Thị Bạch K, Trần Văn N4, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Đình T11 và Trương Công T5 kháng cáo xin hưởng án treo.

- Các bị cáo Đinh Lê L và Phạm Xuân T kháng cáo xin giảm hình phạt bổ sung là phạt tiền.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Đinh Lê L và Phạm Xuân T rút toàn bộ kháng cáo; các bị cáo còn lại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342; điểm a, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đinh Lê L và Phạm Xuân T về kháng cáo xin giảm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

+ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N8, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H6 về xin giảm nhẹ hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc D, Trần Thị Bích L5, Trần Thị Bạch K, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Đình T11 và Trương Công T5 về xin được hưởng án treo.

+ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N4, giảm cho bị cáo 02 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Các bị cáo có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần Văn N4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã xét xử, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

2.1 Về hành vi tổ chức đánh bạc:

Với mục đích tổ chức đánh bạc thu lợi bất chính, Đinh Lê L đứng ra thuê nhà, mua các thiết bị phục vụ chơi bạc, sau đó thuê Phạm Xuân T, Hà Công H8, Trần Văn Đ3, Đoàn Minh L7 cùng L tổ chức chơi bạc cho các con bạc chơi đánh

bạc với nhau bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Quá trình đánh bạc, nếu người chơi thắng trên 1.000.000 đồng thì phải đóng tiền xâu là 50.000 đồng/triệu. Quá trình hoạt động sới bạc, L là người trực tiếp liên hệ với người đánh bạc đến tham gia đánh bạc và phân công T, Đ3, H8 làm nhiệm vụ đưa đón khách đến địa điểm đánh bạc, cảnh giới cho sới bạc và H8 còn làm nhiệm vụ xóc đĩa, L7 làm nhiệm vụ cân tiền - chung tiền thắng thua, thu tiền xâu. Sới bạc hoạt động từ ngày 23-8-2024 đến 15 giờ 30 phút ngày 25-8-2024, khi L cùng T, H8, Đ3, L7 đang tổ chức cho 34 người đánh bạc thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 313.030.000 đồng.

2.2 Về hành vi đánh bạc:

Theo tài liệu chứng cứ và lời khai các bị cáo xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Bị cáo Trương Công T5 đánh bạc với số tiền 4.700.000 đồng, Huỳnh Xuân Nhật B3 số tiền 1.500.000, Trần Văn N4 số tiền 5.120.000 đồng, Nguyễn Đình T11 số tiền 20.000.000 đồng, Đặng Danh B5 số tiền 4.000.000 đồng, Phan Trường G số tiền 4.500.000, Nguyễn Ngọc N3 số tiền 4.500.000 đồng, Trần Văn H10 số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Quốc D số tiền 10.000.000 đồng, Đặng Phúc K2 số tiền 1.000.000 đồng, Huỳnh Tấn H11 số tiền 300.000 đồng, Tô Văn T14 số tiền 3.000.000 đồng, Đỗ Thị Hải Y số tiền 300.000 đồng, Nguyễn Thị T3 số tiền 6.000.000 đồng, Phạm Thị L9 số tiền 9.000.000 đồng, Hoàng Thị Thanh T15 số tiền 8.000.000 đồng, Trần Thị Bạch K số tiền 10.000.000 đồng, Phan Thị M2 số tiền 800.000 đồng, Nguyễn Thị H6 số tiền 200.000 đồng, Lê Thị T16 số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Đ4 số tiền 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị T8 số tiền 320.000 đồng, Trần Thị Bích L5 số tiền 3.000.000 đồng, Huỳnh Thị Mỹ D1 số tiền 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị T18 số tiền 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị Q số tiền 9.000.000 đồng, Nguyễn Thị Bích P2 số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Thị H13 số tiền 3.000.000 đồng, Vũ Thị Thùy T7 số tiền 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị N8 số tiền 25.000.000 đồng và Nguyễn Thị N đánh bạc với số tiền 100.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo khai sử dụng đánh bạc là 164.440.000 đồng. Tuy nhiên, khi bị phát hiện, thu giữ trên chiếu bạc là 313.030.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về tổng số tiền đánh bạc là 313.030.000 đồng.

Với các hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Đinh Lê L, Phạm Xuân T, Hà Công H8, Trần Văn Đ3 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; và tuyên xử các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N8, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Quốc D, Trần Thị Bạch K, Trương Công T5, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị H6, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị T8, Trần Văn N4, Trần Thị Bích L5, Nguyễn Đình T11 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2]. Tại phiên tòa Phúc thẩm các bị cáo Đinh Lê L và Phạm Xuân T rút toàn bộ kháng cáo xin giảm hình phạt chính và hình phạt bổ sung nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

3.1. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị N, Trần Thị Bích L5, Trần Thị Bạch K, Trần Văn N4, Vũ Thị Thùy

T7, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Đình T11, Trương Công T5, Nguyễn Thị Kim N8, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị H6. Thấy rằng:

- Đây là vụ án các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc và đánh bạc có nhiều người tham gia đồng phạm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ, vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo để xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị N 03 năm 03 tháng tù; Nguyễn Thị N8 03 năm 7 tháng tù; Nguyễn Thị Q 03 năm 07 tháng tù; Nguyễn Quốc D 02 năm 06 tháng tù; Trần Thị Bạch K 02 năm 08 tháng tù; Trương Công T5 02 năm 06 tháng tù; Nguyễn Ngọc N3 03 năm 04 tháng tù; Nguyễn Thị H6 03 năm tù; Vũ Thị Thùy T7 03 năm 03 tháng tù; Nguyễn Thị T8 03 năm tù; Trần Văn N4 03 năm 02 tháng tù; Trần Thị Bích L5 03 năm 02 tháng tù và bị cáo Nguyễn Đình T11 02 năm 2 tháng tù là phù hợp.

- Tại giai đoạn phúc thẩm:

+ Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị H6, Vũ Thị Thùy T7, Trần Thị Bích L5 không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới để xem xét. Tuy bị cáo Nguyễn Đình T11 cung cấp có Đơn xác nhận của hộ gia đình, thôn và UBND xã Đ, huyện Đ, Kon Tum về việc có hành vi cứu người đuối nước, nhưng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS và đã được Tòa sơ thẩm áp dụng; bị cáo Trần Văn N4 cung cấp giấy xác nhận có nội dung trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2000 được công nhận chiến sỹ thi đua cơ sở, tuy nhiên ban chỉ huy quân sự xã C, huyện N không xác nhận nội dung này, bị cáo không cung cấp giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua để xem xét.

Do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị H6, Vũ Thị Thùy T7, Trần Thị Bích L5 là không có căn cứ chấp nhận

+ Bị cáo Nguyễn Thị T8, nộp chứng cứ mới là Giấy khen UBND thị trấn C, huyện C về thành tích đột xuất trong công tác phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn, nuôi bà Võ Thị Mỹ L10 là người có công với cách mạng; bị cáo Trần Thị Bạch K nộp chứng cứ mới là Đơn xác nhận và Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm của Công an Thị trấn P, huyện N, Kon Tum về thành tích giúp cơ quan chức năng phát hiện tội phạm (đánh bạc), kèm Quyết định khởi tố vụ án hình sự của cơ quan CSĐT Công an tỉnh K; ngoài ra bị cáo T8 đã nộp tiền thi hành án xong phần hình phạt bổ sung 10.000.000đ; bị cáo K cũng đã nộp tiền thi hành án xong phần hình phạt bổ sung 15.000.000đ thể hiện thái độ ăn năn sớm chấp hành án cải tạo hoàn lương. Cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị N8, nộp chứng cứ mới là Đơn có xác nhận UBND xã I, huyện C thể hiện “tháng 4/2025 chồng chết đuối để lại cha mẹ chồng trên 90 tuổi không ai chăm sóc, bị cáo còn nuôi con gái dưới 13 tuổi” hoàn cảnh thực sự khó khăn và đã nộp tiền thi hành án xong phần hình phạt bổ sung 15.000.000đ; bị cáo Nguyễn Đình T11, bị cáo Trương Công T5 và bị cáo Trần Văn N4 đã nộp thi hành án xong phần hình phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ thể hiện thái độ ăn năn sớm chấp hành án cải tạo hoàn lương nên áp dụng tình tiết

giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

3.2. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo các bị cáo Nguyễn Quốc D, Trần Thị Bích L5, Trần Thị Bạch K, Trần Văn N4, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị T8, Nguyễn Đình T11 và Trương Công T5.

Mặc dù tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Bị cáo K được Công an thị trấn P, huyện N xác nhận có thành tích trong việc giúp cơ quan chức năng phát hiện tội phạm và đã nộp tiền thi hành án xong phần hình phạt bổ sung; Bị cáo T11 được UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum xác nhận về việc cứu người đuối nước; Bị cáo T8 được Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn C tặng Giấy khen có thành tích đột xuất trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn thị trấn C, nuôi bà Võ Thị Mỹ L10 là người có công với cách mạng và đã nộp tiền thi hành án xong phần hình phạt bổ sung; và bị cáo T5 đã nộp tiền thi hành án xong phần hình phạt bổ sung của bản án sơ thẩm đã tuyên. Nhưng các tình tiết phát sinh của các bị cáo đã được đánh giá để giảm nhẹ hình phạt nêu trên.

Xét các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Quốc D có tiền sự về tội “Đánh bạc”; bị cáo Trần Thị Bạch K có tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi làm chủ lô đề; Trương Công T5, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị H6, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Thị T8 đều từng nhiều lần bị xét xử; bị cáo Trần Văn N4, Trần Thị Bích L5, Nguyễn Đình T11 bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Do đó Hội đồng xét thấy rằng cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cách ly giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung. Kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị Nguyễn Thị N8, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị T8 và Trương Công T5, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo Nguyễn Thị N8, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị T8, Trương Công T5, Trần Văn N4 và Nguyễn Đình T11 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị N, Trần Thị Bích L5, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị Q, và Nguyễn Thị H6 có kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 342 và điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Lê L và Phạm Xuân T.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N8 và chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị T8, Trương Công T5, Trần Văn N4 và Nguyễn Đình T11.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị N, Trần Thị Bích L5, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị H6.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N8 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 46/2022/HSST ngày 30/12/2022 của TAND huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai và hình phạt 03 năm 02 tháng tù của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (Bốn) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024.

1.5 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 09 ngày 17/3/2023 của TAND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (năm) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 18/02/2025.

1.6 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

1.7 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Bạch K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024.

1.8 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Công T5 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.9 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N3 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp

hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

1.10 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H6 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

1.11 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thùy T7 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

1.12 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T8 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/11/2024

1.13 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn N4 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 14/02/2025.

1.14 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích L5 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

1.15 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T11 01 năm 11 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/01/2025.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

- Các bị cáo các bị cáo Đinh Lê L, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị N8, Trần Thị Bạch K, Nguyễn Thị T8, Trương Công T5, Nguyễn Đình T11 và Trần Văn N4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị N, Trần Thị Bích L5, Vũ Thị Thùy T7, Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị H6, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV7;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- TAND KV7;
- Phòng THADS KV7;
- Các bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

Nguyễn Văn Sinh